TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - T do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2019/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thùng Thị D, sinh năm: 1988.

Địa chỉ (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú): Bản M, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Thùng Văn T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú): Bản M, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thùng Thị D và anh Thùng Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thùng Thị D và anh Thùng Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Thùng Thị D và anh Thùng Văn T có 02 con chung là cháu Thùng Văn N, sinh ngày 29/12/2007 và cháu Thùng Phong N, sinh ngày 28/7/2012. Chị D và anh T đã thoả thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn anh Thùng Văn T sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Thùng Văn N và cháu Thùng Phong N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Thùng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thùng Văn T không yêu cầu chị Thùng Thị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thùng Thị D và anh Thùng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Thùng Thị D và anh Thùng Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Thùng Thị D và anh Thùng Văn T thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ án phí của vụ án sẽ do chị Thùng Thị D chịu thay cho cả phần án phí của anh Thùng Văn T. Vậy chị Thùng Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, chị Thùng Thị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002147 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy sau khi khấu trừ án phí chị Thùng Thị D được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hạnh